TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-PT
Ngày 11 - 7 - 2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Danh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng và ông Nguyễn Huy Cẩn

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 06/2024/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2024/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đậu Thị H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Trần Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Đậu Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn T kết hôn ngày 21/02/2017, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau khi tổ chức lễ cưới chị về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống về kinh tế gia đình và cách nuôi dạy con dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Từ đầu năm 2023 đến nay thì anh T thường xuyên đánh đập chị, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia

đình đã hòa giải, dàn xếp nhưng vợ chồng chị không thể đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Trần Phúc L, sinh ngày 03/10/2019 và cháu Trần Nhã Đ, sinh ngày 22/4/2021, hiện hai cháu đang ở cùng anh T. Quá trình giải quyết chị xin được nuôi hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 6.000.000 đồng/tháng đối với cả hai con (mỗi con là 3.000.000 đồng/tháng) đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có thể lao động tự túc được. Tại phiên tòa chị xin nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị làm tự do thu nhập bình quân 10.000.000đ đến 11.000.000đ/tháng.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Với nội dung như trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2024/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử: Cho chị Đậu Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Đậu Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Phúc L, sinh ngày 03/10/2019 và Trần Nhã Đ, sinh ngày 22/4/2021, hiện hai con đang ở cùng anh T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 tháng 4 năm 2024 anh Trần Văn T có đơn kháng cáo xin được nuôi hai cháu Trần Phúc L và Trần Nhã Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Trần Phúc L cho anh P và giao cháu

Trần Nhã Đ cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Trần Văn T là hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Đậu Thị H kết hôn với bị đơn anh Trần Văn T được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L đăng ký và cấp giấy chứng nhận ngày 21 tháng 02 năm 2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn với bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết, bị đơn anh Trần Văn T được Tòa án tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt và không gửi văn bản trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo và ý kiến trình bày của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm khẳng định: Các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, quan tâm đến nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và sống ly thân đã lâu. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn để mỗi bên được tạo lập cuộc sống mới theo yêu cầu của các đương sự là có căn cứ, đồng thời giải quyết tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và giao cả 02 cháu cho chị H nuôi dưỡng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về nuôi con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy khai sinh của cháu L, cháu Đ thì chị H, anh T có 02 con chung là cháu Trần Phúc L, sinh ngày 03/10/2019 và Trần Nhã Đ, sinh ngày 22/4/2021, hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh T. Ly hôn cả chị H và anh T đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con.

Thấy rằng, tại Tòa án cấp sơ thẩm anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt tại các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án và tại phiên tòa, không trình bày quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cả 02 cháu L và Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, anh T và chị H thống nhất thỏa thuận anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Phúc L và chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Nhã Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng của các đương sự là tự nguyện, hợp pháp, đảm

bảo lợi ích về mọi mặt cho cả hai cháu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Đ cho chị H và giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung như thỏa thuận của các đương sự và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[4] Đối với quyết định về việc ly hôn giữa chị Đậu Thị H và anh Trần Văn T của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Văn T.

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2024/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc về nuôi con.

Căn cứ các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giao cháu Trần Phúc L, sinh ngày 03/10/2019 cho anh Trần Văn T và giao cháu Trần Nhã Đ, sinh ngày 22/4/2021 cho chị Đậu Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

2. Về án phí:

Chị Đậu Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000107 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho anh T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000263 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Quyết định về ly hôn của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện A;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thanh Danh